

	VIETTEL AI RACE	Public 374
	QUY ĐỊNH CHUNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN CỤ LY NGẮN DÀI TẦN 25 MHz - 1 GHz	Lần ban hành: 1

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này áp dụng cho các loại thiết bị vô tuyến cụ ly ngắn có mức công suất phát đến 500 mW sau:


- 1) Các thiết bị vô tuyến cụ ly ngắn dạng chung.
- 2) Thiết bị dùng trong hệ thống cảnh báo, nhận dạng, định vị vô tuyến, điều khiển từ xa, đo từ xa.
- 3) Thiết bị nhận dạng bằng sóng vô tuyến.
- 4) Thiết bị phát hiện và cảnh báo chuyển động.

Những loại thiết bị vô tuyến nêu trên hoạt động trong các băng tần số từ 25 MHz đến 1 GHz (như quy định trong Bảng 1) cho các trường hợp :


- Có kết nối anten (RF) với anten riêng hoặc với anten tích hợp;
- Mọi loại điều chế;
- Có thoại hoặc phi thoại.

Bảng 1 - Các băng tần số sử dụng cho thiết bị vô tuyến cụ ly ngắn từ 25 MHz đến 1 GHz

Loại thiết bị	Băng tần/tần số	Ứng dụng
Phát và thu	26,995 MHz	Điều khiển mô hình
	27,045 MHz, 27,095 MHz, 27,145 MHz, 27,195 MHz	
	34,995 MHz tới 35,225 MHz	

	VIETTEL AI RACE	Public 374
	QUY ĐỊNH CHUNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN CỤ LY NGẮN DÀI TẦN 25 MHz - 1 GHz	Lần ban hành: 1

	40,665 MHz, 40,675 MHz, 40,685 MHz, 40,695 MHz	
	26,957 MHz tới 27,283 MHz	Dùng cho mục đích chung
	40,660 MHz tới 40,700 MHz	
	138,200 MHz tới 138,450 MHz	
	169,400 MHz tới 169,475 MHz	Theo dõi, truy tìm và thu thập dữ liệu và đo, giám sát từ xa
	169,475 MHz tới 169,4875 MHz	Cảnh báo chung
	169,5875 MHz tới 169,6000 MHz	
	433,050 MHz tới 434,790 MHz	Dùng cho mục đích chung
	863,000 MHz tới 870,000 MHz	
	864,800 MHz tới 865,000 MHz	Ứng dụng âm thanh không dây
	868,000 MHz tới 868,600 MHz	Dùng cho mục đích chung
	868,600 MHz tới 868,700 MHz	Cảnh báo
	868,700 MHz tới 869,200 MHz	Dùng cho mục đích chung

	VIETTEL AI RACE	Public 374
	QUY ĐỊNH CHUNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN CỤ LY NGẮN DÀI TẦN 25 MHz - 1 GHz	Lần ban hành: 1

	869,200 MHz tới 869,250 MHz	Cảnh báo chung
	869,250 MHz tới 869,300 MHz	Cảnh báo (0,1 % chu kỳ hoạt động)
	869,300 MHz tới 869,400 MHz	Cảnh báo (1 % chu kỳ hoạt động)
	869,400 MHz tới 869,650 MHz	Dùng cho mục đích chung
	869,650 MHz tới 869,700 MHz	Cảnh báo
	869,700 MHz tới 870,000 MHz	Dùng cho mục đích chung

2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này được áp dụng cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh các thiết bị thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn này trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thuật ngữ và định nghĩa


3.1 Anten chuyên dùng (dedicated antenna)

Anten có thể tháo rời và được đo kiểm với thiết bị vô tuyến, được thiết kế như một phần không thể thiếu của thiết bị.

3.2 Anten tích hợp (integral antenna)

Anten cố định, được gắn cùng thiết bị và được thiết kế như một phần không thể thiếu của thiết bị.

3.3 Băng hẹp (narrowband)

	VIETTEL AI RACE	Public 374
	QUY ĐỊNH CHUNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN CỤ LY NGẮN DÀI TẦN 25 MHz - 1 GHz	Lần ban hành: 1

Các thiết bị hoạt động dùng băng tần không phân kênh, có độ chiếm dụng độ rộng băng tần nhỏ hơn hoặc bằng 25 kHz, hoặc dùng băng tần có phân kênh với khoảng cách kênh nhỏ hơn hoặc bằng 25 kHz.

CHÚ THÍCH: Đối với thiết bị sử dụng trong băng tần không phân kênh theo quy định thì khoảng cách giữa các kênh của thiết bị được định nghĩa bởi nhà cung cấp.

3.4 Băng rộng (Wideband)

Các thiết bị hoạt động dùng băng tần không phân kênh, có độ chiếm dụng độ rộng băng tần lớn hơn 25 kHz, hoặc dùng băng tần có phân kênh với khoảng cách kênh lớn hơn 25 kHz.

3.5 Độ rộng băng tần bị chiếm dụng (occupied bandwidth)

Độ rộng của một băng tần số sao cho dưới tần số thấp nhất và trên tần số cao nhất của nó, công suất bức xạ trung bình mỗi biên chỉ bằng 0,5 % tổng công suất bức xạ.

3.6 Băng tần được ấn định (assigned frequency band)

Băng tần hoặc băng tần con mà thiết bị được phép hoạt động để thực hiện đầy đủ các chức năng đã được thiết kế của thiết bị.

3.7 Bộ phát đáp (transponder)

Thiết bị đáp ứng với tín hiệu dò tìm

3.8 Cảnh báo (alarm)

Việc dùng thông tin vô tuyến điện để chỉ thị một trạng thái báo động tại vị trí xa.

3.9 Điều khiển từ xa (telecommand)

Dùng thông tin vô tuyến điện để truyền các tín hiệu khởi tạo, thay đổi hoặc kết thúc các chức năng của thiết bị ở một khoảng cách xa.

	VIETTEL AI RACE	Public 374
	QUY ĐỊNH CHUNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN CỤ LY NGẮN DÀI TẦN 25 MHz - 1 GHz	Lần ban hành: 1

3.10 Đo từ xa (telemetry)

Dùng thông tin vô tuyến điện để thu thập và ghi lại số liệu từ xa

3.11 Đo bức xạ (radiated measurements)

Các phép đo liên quan tới trường bức xạ.

3.12 Đo (bằng phương pháp) dẫn (conducted measurements)

Là phép đo được thực hiện bằng cách dùng đầu nối trực tiếp 50 Ω tới thiết bị được đo.

3.13 Hệ thống nhận dạng (identification system)

Thiết bị bao gồm máy phát, máy thu (hoặc kết hợp cả hai) và anten để nhận dạng các đối tượng bằng bộ phát đáp.

3.14 Khả năng thích ứng tần số (adaptive frequency agility)

Khả năng của thiết bị có thể thay đổi linh hoạt kênh tần số hoạt động trong dải tần số hoạt động của thiết bị. Các kênh được dùng không chồng lấn lên nhau.

3.15 Kênh liền kề (adjacent channel)

Hai kênh tần số nằm cách tần số trung tâm của kênh danh định một khoảng tần số bằng độ rộng băng tần của kênh danh định.